TÒA ÁN NHÂN NHÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 254/2018/DS-PT
Ngày: 23 - 7 - 2018
V/v tranh chấp: "Quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thu Thúy.**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**;

Bà **Trần Thị Thu Hằng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thúy Hằng -** Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà **Lê Thị Thắm -** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 18 và 23 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2017/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp "quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 113/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 411/2017/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn P**, sinh năm 1964. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp BT, xã BP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Trần Hoàng T**- Văn phòng luật sư **Trần Bá T**, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Ấp BT, xã BP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trương Huy C**, sinh năm 1962; (có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp BQ, xã BP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Trần Thanh K**-Văn phòng luật sư Trần Thanh K, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh **Huỳnh Văn Bé H**, sinh năm 1977;

3.2. Anh **Huỳnh Văn Bé T**, sinh năm 1985; (có mặt)

3.3. Chị **Huỳnh Thị Bé S**, sinh năm 1988;

3.4. Anh **Huỳnh Văn Bé B**, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Ấp Bình Trị, xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H, chị Svà anh B: Bà **Lê Thị N** (Văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 12 năm 2013). (có mặt)

4. Người kháng cáo: Bị đơn **Lê Thị N.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn ông **Huỳnh Văn P** trình bày:*

Trước đây cha của ông là cụ Huỳnh Văn T đứng tên phần đất thửa 1129, tờ bản đồ số 2, cụ T mất, đất này do mẹ của ông là cụ Lê Thị L được cấp quyền sử dụng đất với số thửa 2667. Sau đó, cụ L mất thì ông đứng tên quyền sử dụng phần đất có diện tích 3.640m^2, thuộc thửa 2667 (nay có số thửa mới 336, tờ bản đồ số 37, diện tích 4.545,1m^2), tọa lạc ấp BT, xã BP, CL, tỉnh Tiền Giang. Giáp với đất của ông là đất của bà Lê Thị N thuộc thửa 2749, diện tích 1.171m^2 (nay có số thửa mới 362, tờ bản đồ số 37). Từ trước đến nay, 02 thửa được phân ranh bằng 01 bờ đất thẳng rộng khoảng 1,2m. Nhưng trong quá trình sử dụng bà N đã lấn qua phần đất của ông diện tích theo đo đạc thực tế là 77,9 m^2. Ông đã nhiều lần yêu cầu bà N trả lại cho ông phần đất lấn chiếm nhưng bà N không thực hiện. Tại vị trí ranh giữa đất bà N và đất của ông Huỳnh Văn C, bà N có trồng hàng mít ngay ranh và lấy đó làm ranh chung nhằm mục đích giấu đất.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định lại vị trí ranh đất và yêu cầu bà N và các thành viên trong hộ trả lại cho ông phần đất diện tích 77,9m^2, nằm trong thửa đất số 2667 (số thửa mới 336, tờ bản đồ số 37), tọa lạc ấp BT, xã BP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

** Bị đơn bà **Lê Thị N** trình bày:*

Bà có quyền sử dụng đất diện tích 1.171m^2, thửa đất số 2749, giáp ranh với đất của ông P. Tuy nhiên, đất của ông P là đất gò, đất của bà là đất bưng, thấp hơn so với các thửa đất xung quanh. Bờ ranh giữa đất của bà với đất ông P có chiều ngang khoảng 1,2m là đúng. Việc đắp bờ là do ông P tự ý đắp và cũng tự ông P cuốc bờ, bà không có lấn chiếm đất. Do đó, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Huỳnh Văn Bé T** trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của bà N, không bổ sung gì thêm.

***** Tại Bản án sơ thẩm số 170/2014/DSST ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn P.

- Xác định ranh chung giữa đất ông Huỳnh Văn Pvà đất hộ bà Lê Thị N là một đoạn thẳng nối cọc ranh giáp giữa đất bà N và ông Võ Thế H nằm giáp với bờ đê rạch Ông B đến cọc ranh chung giáp giữa ông P, ông Huỳnh Văn S, bà N (chuyển nhượng lại của bà Bùi Thị D).

- Buộc bà Lê Thị N và các thành viên trong hộ gồm: Anh Huỳnh Văn Bé H, anh Huỳnh Văn Bé T, chị Huỳnh Thị Bé S và anh Huỳnh Văn Bé B giao trả cho ông Huỳnh Văn P phần đất lấn chiếm diện tích 77,9m^2 tọa lạc ấp BT, xã BP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang (có sơ đồ kèm theo).

Bản án phúc thẩm số 201/2015/DS-PT ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang quyết định:

- Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 170/2014/DSST ngày 26/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy. Chuyển giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm số 113/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn P.

2. Buộc bà Lê Thị N và các thành viên trong hộ gồm: Anh Huỳnh Văn Bé H, anh Huỳnh Văn Bé ư, chị Huỳnh Thị Bé S và anh Huỳnh Văn Bé B trả lại cho ông Huỳnh Văn P phần đất diện tích 77,9m^2, thuộc thửa số 2667 (số thửa mới 336, tờ bản đồ số 37), tọa lạc ấp BT, xã BP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang do ông Huỳnh Văn P đứng tên quyền sử dụng đất (có sơ đồ kèm theo). Phần diện tích 77,9m^2, có tứ cận như sau:

- Phía Đông: Giáp đất còn lại của ông Huỳnh Văn P dài 0,45m;

- Phía Tây: Giáp đất của ông Võ Thế H dài 1,58m;

- Phía Nam: Giáp đất của bà Lê Thị Ndài 51,03m;

- Phía Bắc: Giáp đất còn lại của ông Huỳnh Văn P dài 51,34m.

3. Ông Huỳnh Văn P có quyền đăng ký đất đai đối với phần diện tích đất 77,9m^2 nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 20 tháng 9 năm 2017, bị đơn Lê Thị N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn P buộc hộ gia đình bà trả lại cho ông P phần diện tích đất 77,9m^2, tọa lạc ấp BT, xã BP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên toà phúc thẩm, ông C đại diện do bà N ủy quyền cùng anh Bé T thống nhất với ông P về xác định ranh đất của bà N và ông P là đường thẳng nối hai trụ đá ở hướng Đông và hướng Tây (theo sơ đồ bản vẽ ngày 13/6/2018); Bà N cùng các thành viên trong hộ gia đình bà N có nghĩa vụ trả cho ông P phần diện tích đất là 41,7m^2 (theo sơ đồ trên); Riêng bà Nđại diện do Bé H, Bé S, Bé B ủy quyền thì không đồng ý với thỏa thuận trên. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có nhiều lập luận cho rằng việc dựa vào tài liệu 299 thể hiện ranh đất giữa bà N và ông P là một đường thẳng để làm căn cứ cho rằng bà N lấn đất của ông P là không có căn cứ vì trình độ lập bản đồ trước đây còn thô sơ, không chính xác. Bản trích đo địa chính khu đất

ngày 03/12/2014 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường Tiền Giang do ông P thuê đo vẽ để giải quyết tranh chấp nên không thể dùng làm căn cứ xác định bà N lấn đất. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn cũng đã thống nhất ranh đất giữa hai bên là đường thẳng nối dài giữa hai trụ đá ở hướng Đông và hướng Tây, bà N cùng các thành viên trong hộ gia đình bà Ncó nghĩa vụ trả cho ông P phần diện tích đất là 41,7m^2, nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận đó.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có nhiều lập luận cho rằng phần đất bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.171m^2 từ năm 2000 cho đến nay, bà N không có khiếu nại gì về việc diện tích đất được cấp; Đến khi có trích lục bản đồ địa chính thì đất của bà N có diện tích 1.273,3m^2 tăng 102,3m^2 nhưng bà N không chứng minh được vì sao có biến động này. Sơ đồ tài liệu 299 thể hiện phần ranh giới giữa đất ông P và đất bà N là một đường thẳng, nhưng hiện tại là đường cong qua phần đất của ông P. Bà N cho rằng ông P cuốc bờ là không có căn cứ vì nếu ông P cuốc bờ thì bờ phải cong về phía đất bà N, đằng này lại cong về đất ông P. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn cũng đã thống nhất ranh đất giữa hai bên là đường thẳng nối dài giữa hai trụ đá ở hướng Đông và hướng Tây, bà N cùng các thành viên trong hộ gia đình bà N có nghĩa vụ trả cho ông P phần diện tích đất là 41,7m^2, nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận đó.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lí vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn cũng đã thống nhất ranh đất giữa hai bên là đường thẳng nối dài giữa hai trụ đá ở hướng Đông và hướng Tây, Bà N cùng các thành viên trong hộ gia đình bà N có nghĩa vụ trả cho ông P phần diện tích đất là 41,7m^2. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng thỏa thuận trên của nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của bà Lê Thị N nộp ghi ngày 20/9/2017 (BL 258, 259) còn trong thời hạn luật định và hợp lệ đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, Tòa sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Quyền sử dụng đất" là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 109, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 48, Điều 105 Luật đất đai năm 2003.

[3] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Lê Thị N về việc không đồng ý trả lại cho ông P phần diện tích đất 77,9m^2, tọa lạc ấp BT, xã BP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

Ông P sử dụng phần đất có diện tích 3.640m^2, thuộc thửa 2667 (nay là thửa 336, tờ bản đồ số 37, diện tích 4.245m^2), tọa lạc ấp BT, xã BP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/7/2006. Giáp ranh với phần đất của ông P là đất của hộ bà N diện tích 1.171m^2, thuộc thửa 2749 (nay là thửa 362, tờ bản đồ số 37, diện tích 1.171,6m^2). Ông P cho rằng ranh giới giữa đất của ông và đất của bà N là một bờ đất thẳng rộng khoảng 1,2m, qua quá trình sử dụng bà N lấn sang phần đất của ông diện tích theo đo đạc thực tế là 77,9m^2. Trong quá trình giải quyết vụ án bà N trình bày không lấn đất của ông P, việc đắp bờ là ông P tự ý đắp và cũng tự ông P cuốc bờ nên việc bờ ranh cong về phía đất của ông P làm ông P mất đất là việc của ông P không liên quan đến bà.

Theo xác nhận của địa chính xã BP, huyện CL thì thửa đất số 1129 do cụ Huỳnh Văn T đứng tên và thửa đất số 2667 do cụ Lê Thị L đứng tên và nay là thửa 336 do ông P đứng tên là cùng một thửa. Theo trích lục hồ sơ 299 ngày 16/7/2013 của Trung tâm công nghệ thông tin thuộc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang thì ranh đất của thửa 1129 (thửa 2667) là một đường thẳng giáp với thửa 2749 của bà N.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang lập ngày 25/5/2018 thể hiện ông Huỳnh Văn P, bà Lê Thị N và ông Huỳnh Văn S cùng xác định ranh chung của ba hộ là một trụ đá (trụ đá ở hướng Đông) đã được cắm từ rất lâu. Phía Tây giữa ranh đất của ông P và bà N cũng có một trụ đá, ông P xác định trụ đá này do bà L là mẹ ông P cắm để phân biệt ranh đất với bà N. Bà N cũng thừa nhận trụ đá này được tồn tại từ lâu nay, do bà L cắm nhưng không có ý kiến phản đối gì. Tại phiên tòa phúc thẩm ông C đại diện do nguyên đơn ủy quyền và bị đơn là ông P cũng đã thống nhất ranh đất giữa hai bên là đường thẳng nối dài giữa hai trụ đá ở hướng Đông và hướng Tây nêu trên, xét thấy sự thống nhất ranh này của các đương sự là cũng phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ, không trái qui định pháp luật được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Căn cứ mảnh trích đo địa chính thửa đất ngày 13/6/2018 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang xác định hiện nay bà N đang sử dụng phần đất có diện tích 41,7m^2 (phần được đánh dấu ký hiệu số 3 trong bảng trích đo) nằm hẳn về đất ông P so với ranh đất là đường thẳng như đã xác định nêu trên. Do đó, cần buộc bà Lê Thị N và các thành viên trong hộ gồm: Anh Huỳnh Văn Bé H, anh Huỳnh Văn Bé T, chị Huỳnh Thị Bé Svà anh Huỳnh Văn Bé B trả lại cho ông Huỳnh Văn P phần đất diện tích 41,7m^2, thuộc thửa số 2667 (số thửa mới 336, tờ bản đồ số 37), tọa lạc ấp BT, xã BP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang do ông Huỳnh Văn P đứng tên quyền sử dụng đất (có sơ đồ kèm theo).

Mặc dù nguyên đơn và bị đơn đều đã thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án như nêu trên, tuy nhiên do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý với thỏa thuận trên, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa theo qui định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được.

Từ những phân tích như trên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm số 113/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phù hợp với nhận định của của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 109, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 48, Điều 105 Luật đất đai năm 2003.

Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị N.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 113/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn P.

Xác định ranh giữa thửa đất số 2667 (thửa mới 336) của ông Huỳnh Văn P và thửa đất số 2749 (thửa mới 362) của bà Lê Thị N là đường thẳng nối hai trụ đá ở hướng Đông và hướng Tây (theo sơ đồ, bản vẽ ngày 13/6/2018).

Buộc bà Lê Thị N và các thành viên trong hộ gồm: Anh Huỳnh Văn Bé H, anh Huỳnh Văn Bé T, chị Huỳnh Thị Bé S và anh Huỳnh Văn Bé B trả lại cho ông Huỳnh Văn P phần đất diện tích 41,7m^2, thuộc thửa số 2667 (số thửa mới 336, tờ bản đồ số 37), tọa lạc ấp BT, xã BP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang do ông Huỳnh Văn P đứng tên quyền sử dụng đất (phần ký hiệu số 3 trong sơ đồ, bản vẽ ngày 13/6/2018), có tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp đất của ông Huỳnh Văn P.

Phía Nam giáp đất của bà Lê Thị N.

Phía Tây giáp đất của ông Huỳnh Văn P.

Phía Đông giáp đất của ông Huỳnh văn P.

(*có sơ đồ kèm theo*, STT số 3 theo sơ đồ)

2/ Về án phí:

- Bà Lê Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Lê Thị N phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 14694 ngày 20/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL, nên bà N được hoàn lại số tiền 100.000 đồng.

- Ông Huỳnh Văn P phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp là 400.000 đồng theo biên lai thu tiền số 001045 ngày 01/10/2013 và biên lai thu số 12642 ngày 03/8/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL, nên ông P được hoàn lại số tiền 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 10 phút ngày 23 tháng 7 năm 2018, có mặt ông P, bà N và anh Bé T.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND H. Cai lậy;
- Chi cục THADS H. Cai lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Thu Thúy

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Xuân Long